

Bản án số: 374/2026/HS-ST

Ngày: 29/7/2026.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Sỹ Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Khánh Minh Tâm.

2. Bà Nguyễn Kim Oanh.

- Thư ký phiên tòa:

Tại điểm cầu trung tâm thuộc Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Bế Thị Phụng - Thư ký Tòa án.

Tại điểm cầu thành phần thuộc Trại tạm giam Chí Hòa - Phân trại tạm giam Bình Tiên (cơ sở 1), Công an Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Đỗ Minh Phước - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Tại điểm cầu trung tâm thuộc Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Phạm Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Tại điểm cầu thành phần thuộc Trại tạm giam Chí Hòa - Phân trại tạm giam Bình Tiên (cơ sở 1), Công an Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Lê Đức Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2026, tại điểm cầu trung tâm - Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu thành phần - Trại tạm giam Chí Hòa - Phân trại tạm giam Bình Tiên (cơ sở 1), Công an Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử công khai trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 442/2026/TLST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 516/2026/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 7 năm 2026 đối với bị cáo:

Mai Nguyễn Phương K, sinh ngày 22/12/1983 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: 78/35/18 T, Khu phố A, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: A L, Khu phố D, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ học vấn: 11/12; nghề nghiệp: lao động tự do; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; con

ông Mai Đức D, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1963; có chồng URAKAMI TAKAHIRO (Quốc tịch Nhật Bản), sinh năm 1979; có 02 con sinh năm 2012 và năm 2024; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 14/11/2025 (có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo Mai Nguyễn Phương K: Ông Đặng Thanh S và bà Lâm Thị Mỹ T, Luật sư Công ty TNHH H2 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; địa chỉ: Tầng A, 4 Hồ Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (Luật sư S vắng mặt, luật sư T có mặt tại phiên tòa).

Người làm chứng:

1. Bà Ngô Ngọc H1, sinh năm 1985; địa chỉ: A N, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt tại phiên tòa).

2. Bà An Thị Ngọc T1, sinh năm 1996; địa chỉ: Chung cư B, B, số F N, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 11 giờ ngày 20/10/2025, Công an phường S, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành kiểm tra hành chính Phòng 401, nhà số A L, phường S. Tại thời điểm kiểm tra, có mặt Mai Nguyễn Phương K, Ngô Ngọc H1 và An Thị Ngọc T1. Quá trình kiểm tra, K tự nguyện giao nộp 01 đĩa sứ màu tím, trên bề mặt đĩa có chất bột màu trắng, 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng (được cuộn tròn), 01 thẻ nhựa màu xanh xám và 01 con gấu bông màu kem, bên trong con gấu bông có 01 gói nylon chứa tinh thể không màu, K khai là ma túy Ketamine được K cất giấu để sử dụng nên tiến hành thu giữ vật chứng đưa K và những người liên quan về trụ sở Công an phường làm rõ, sau đó chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh điều tra theo thẩm quyền.

Tại bản Kết luận giám định số 8228/KL-KTHS ngày 27/10/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Gói 01: 01 gói nylon chứa bột màu trắng là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,2541 gam, loại Ketamine. Gói 02: 01 gói nylon chứa tinh thể không màu là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 7,8763 gam, loại Ketamine.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Mai Nguyễn Phương K khai nhận: Khanh nghiện ma túy Ketamine, số ma túy bị thu giữ là của K mua của một đối tượng nam thường được gọi là “em trai của N” qua số điện thoại 0903315216. K đã mua 02 lần cụ thể như sau:

Lần 1: vào ngày 12/05/2025, K liên hệ “em trai của N” đặt mua 10g ma túy Ketamine với giá 14.000.000 đồng, thì được hẹn đến khu vực gần giao lộ L - C, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh nhận ma túy. Đến ngày 18/5/2025, K dùng tài khoản ngân hàng số 190352953090015 mở tại ngân hàng T3 tên M2 chuyển số tiền 15.000.000 đồng (K gửi thêm 1.000.000 đồng) vào tài khoản ngân hàng A1, tên LE THI TRUC AN, mở tại ngân hàng V để thanh toán tiền mua ma túy theo yêu cầu của đối tượng “em trai của N”. Số ma túy mua được, K đã sử dụng hết.

Lần 2: vào ngày 29/9/2025, K tiếp tục liên hệ “em trai của N” đặt mua 20g ma túy Ketamine với giá 28.600.000 đồng. Đến ngày 01/10/2025, cũng như lần đầu, K chuyển khoản 29.000.000 đồng vào tài khoản tên LE THI TRUC AN. Đối tượng “em trai của N” trực tiếp đến khu vực gần giao lộ L - Chu Mạnh T2 giao ma túy cho K, K ra nhận thì không đủ 20g mà chỉ có 10g và được hẹn sẽ giao phần còn lại sau. Đến ngày 09/10/2025, “em trai của N” giao thêm cho K 5g ma túy Ketamine và đưa lại cho K 7.000.000 đồng tiền mặt. Sau khi nhận ma túy, K đem về chỗ ở để sử dụng dần, K bỏ một ít ra đĩa sử dụng, số còn lại K cất giấu vào con gấu bông để khi cần sử dụng sau.

K khai việc cất giấu và sử dụng ma túy tại chỗ ở chỉ do một mình K thực hiện, không ai sử dụng ma túy chung với K, lần cuối cùng K sử dụng ma túy tại chỗ ở là vào ngày 18/10/2025. Đến ngày 20/10/2025 khi Công an kiểm tra hành chính thì K tự nguyện giao nộp toàn bộ số ma túy đã mua của “em trai của N” chưa sử dụng hết như trên.

Kết quả xét nghiệm ma túy Mai Nguyễn Phương K, Ngô Ngọc H1 và An Thị Ngọc T1 âm tính với chất ma túy. Lời khai của K phù hợp với lời khai của Ngô Ngọc H1 và An Thị Ngọc T1, phù hợp với biên bản khám xét, biên bản niêm phong tài liệu, đồ vật, kết luận giám định, hình ảnh xác nhận của vật chứng thu giữ, hình ảnh tin nhắn liên quan, lời khai của những người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra thu thập.

Ngô Ngọc H1 khai nhận là người giúp việc đến phụ dọn dẹp nhà cho K. Trong khoảng thời gian H1 ở tại phòng D, nhà A L, H1 không biết việc K cất giấu ma túy. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H không xử lý.

An Thị Ngọc T1 khai là nhân viên cũ của K đến phụ gói quà cho, T1 không biết K sử dụng và cất giấu ma túy tại phòng 401 nhà A L. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H không xử lý đối với T1.

Đối với các đối tượng “em trai của N” sử dụng số điện thoại 0903315216 và chủ tài khoản ngân hàng số 1013547328, tên LE THI TRUC AN, mở tại ngân hàng V, quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, khi có căn cứ sẽ xử lý sau.

Vật chứng vụ án: 02 gói niêm phong bên trong là ma túy còn lại sau giám định; 01 thẻ nhựa; 01 gấu nhồi bông; 01 đĩa sứ; 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng. Thu giữ của

Mai Nguyễn Phương K: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 Plus, số Imeil: 358577784361748; số Imei 2: 358577783087450;

Tại bản Cáo trạng số 107/CT-VKSHCM-KV ngày 30/6/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Mai Nguyễn Phương K về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025.

Tại phiên tòa, bị cáo Mai Nguyễn Phương K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh. Bị cáo thừa nhận việc Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh là đúng, không oan sai.

Sau khi kiểm tra toàn bộ lời khai của bị cáo cùng với các tài liệu chứng cứ khác được đưa ra xem xét tại phiên tòa; đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Mai Nguyễn Phương K về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Đề nghị hội đồng xét xử: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025 xử phạt bị cáo Mai Nguyễn Phương K từ 06 năm đến 07 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng đề nghị: Tịch thu, tiêu hủy 02 gói niêm phong, bên ngoài có ghi số 4596/25 G1, 4596/25 G2, có chữ ký của Giám định viên và Cán bộ điều tra, bên trong là mẫu vật còn lại sau khi đã phục vụ giám định; 01 thẻ nhựa; 01 gấu nhồi bông; 01 đĩa sứ. Tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước: số tiền 500.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 Plus.

Luật sư Lâm Thị Mỹ T trình bày bài bào chữa cho bị cáo Mai Nguyễn Phương K thống nhất với tội danh và khung hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo. Luật sư chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ như: quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; bị cáo có 02 con còn nhỏ, phạm tội khi đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi; bị cáo bị áp lực cuộc sống và trầm cảm sau sinh nên đã sử dụng ma túy, khi công an đến kiểm tra bị cáo đã tự nguyện giao nộp số ma túy đang cất giữ, tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án, đã cung cấp số điện thoại và thông tin tài khoản ngân hàng của người bán ma túy. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã đề nghị, đề nghị xử phạt bị cáo 04 năm tù.

Bị cáo Mai Nguyễn Phương K thống nhất với bài bào chữa của Luật sư, không tranh luận.

Đôi đáp lại quan điểm của các luật sư, đại diện Viện kiểm sát cho rằng: Luật sư không tranh luận về tội danh, chỉ nêu tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trong quá trình nghị án.

Trong phần nói lời sau cùng, bị cáo Mai Nguyễn Phương K thể hiện sự ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt để sớm được trở về với gia đình, hòa nhập xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Mai Nguyễn Phương K không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Mai Nguyễn Phương K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đã có đủ cơ sở xác định:

Do nghiện ma túy Ketamine nên vào các ngày 12/5/2025, 29/9/2025, K đã liên hệ với đối tượng có tên “em trai của N” sử dụng số điện thoại 0903315216 đặt mua ma túy về sử dụng. Sau khi nhận ma túy, K đem về chỗ ở tại Phòng 401 nhà số A L, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh để sử dụng dần, ngày 18/10/2025 K bỏ một ít ma túy ra đĩa sử dụng, số còn lại K cất giấu vào con gấu bông để khi cần sử dụng sau. Đến 11 giờ ngày 20/10/2025, khi Công an phường S kiểm tra hành chính, K đã tự nguyện giao nộp toàn bộ số ma túy đã mua của “em trai của N” chưa sử dụng hết và dụng cụ sử dụng ma túy, bao gồm: 01 đĩa sứ màu tím, trên bề mặt đĩa có chất bột màu trắng, 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, 01 thẻ nhựa màu xanh xám và 01 con gấu bông màu kem, bên trong con gấu bông có 01 gói nylon chứa tinh thể không màu.

[3] Tại bản Kết luận giám định số 8228/KL-KTHS ngày 27/10/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Gói 01: 01 gói nylon chứa bột màu trắng là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,2541 gam, loại Ketamine. Gói 02: 01 gói nylon chứa tinh thể không màu là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 7,8763 gam, loại Ketamine. Tổng cộng là 8,1304 gam ma túy loại Ketamine.

Như vậy, bị cáo Mai Nguyễn Phương K phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi cất giữ 8,1304 gam ma túy ở thể rắn, loại Ketamine để sử dụng.

[4] Từ nội dung đã nhận định từ mục [1] đến mục [3] có đủ cơ sở để kết tội bị cáo Mai Nguyễn Phương K phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và khung

hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025.

Bản Cáo trạng đã truy tố và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo Mai Nguyễn Phương K là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, không những gây mất trật tự trị an, sức khỏe con người, mà còn là một trong những nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác. Bản thân bị cáo nhận thức rõ tác hại của ma túy nhưng vẫn cố tình phạm tội. Vì vậy, cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với từng tội danh mà bị cáo phạm phải nhằm giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[6] Về nhân thân: Bị cáo Mai Nguyễn Phương K có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[7] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có 02 con còn nhỏ sinh năm 2012 và năm 2024, phạm tội khi đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Đối với quan điểm của Luật sư đề nghị áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ theo điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xét việc tự nguyện giao nộp số ma túy đang cất giữ và cung cấp số điện thoại, thông tin tài khoản ngân hàng của người bán ma túy được xem xét là bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, làm rõ hành vi khách quan và các tình tiết của vụ án, chưa phải là hợp tác với cơ quan điều tra để phát hiện ra tội phạm khác hay hành vi của người liên quan, chưa đủ căn cứ để xác định bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án nên không chấp nhận.

[8] Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, vai trò của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hoàn cảnh và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo đã nhiều lần mua ma túy với khối lượng tương đối lớn để sử dụng trong một thời gian dài nên cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và ngăn ngừa tội phạm.

Lập luận trên cũng là cơ sở để không chấp nhận quan điểm của người bào chữa đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Mai Nguyễn Phương K với mức án dưới khung hình phạt bị truy tố.

[9] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Về hành vi của các đối tượng liên quan:

Đối với Ngô Ngọc H1 và An Thị Ngọc T1 không biết K sử dụng ma túy cũng như không tham gia sử dụng ma túy cùng K nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh không xử lý là có căn cứ.

Đối với đối tượng “em trai của N” sử dụng số điện thoại 0903315216 và chủ tài khoản ngân hàng số 1013547328, tên LE THI TRUC AN mở tại ngân hàng V, quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, khi có căn cứ sẽ xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xét.

[11] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Đối với số ma túy còn lại sau giám định là vật cấm lưu hành và các vật dụng gồm thẻ nhựa, gấu nhồi bông, đĩa sứ không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 Plus thu giữ của M1 Nguyễn Phương K, bị cáo đã sử dụng tờ tiền trên vào việc sử dụng ma túy, sử dụng điện thoại liên lạc mua bán ma túy. Đây là công cụ phương tiện và tài sản dùng vào việc phạm tội nên tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

[12] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13] Về quyền kháng cáo: bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025 xử phạt bị cáo Mai Nguyễn Phương K 06 (sáu) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 14/11/2025.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 gói niêm phong bên trong là mẫu vật còn lại sau khi đã phục vụ giám định được niêm phong có chữ ký của Giám định viên và Cán bộ điều tra, có ký hiệu 4596/25 G1; 01 gói niêm phong bên trong là mẫu vật còn lại sau khi đã phục vụ giám định được niêm phong có chữ ký của Giám định viên và Cán bộ điều tra, có ký hiệu 4596/25 G2; 01 thẻ nhựa; 01 gấu nhồi bông; 01 đĩa sứ.

- Tịch thu, nộp vào Ngân sách nhà nước: số tiền 500.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 Plus (đã qua sử dụng).

(Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 361/PNK/26 ngày 12/5/2026 tại Kho vật chứng số 1 thuộc Công an Thành phố Hồ Chí Minh và Giấy nộp tiền vào tài khoản Kho bạc Nhà nước khu vực II do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam phát hành ngày 13/7/2026).

Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Mai Nguyễn Phương K phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo Mai Nguyễn Phương K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 36, Điều 71 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- VKSND TP.HCM; (1)
- VKSND khu vực 1 - TP.HCM; (3)
- TAND TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (1)
- Trại tạm giam Chí Hòa - Công an TP.HCM; (2)
- Cơ quan THA-HS có thẩm quyền; (4)
- Phòng PV06-CA TP.HCM; (1)
- Phòng THADS khu vực 1 - TP.HCM; (1)
- Công an TP.HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (2)
- Sở tư pháp; (1)
- Luật sư; (2)
- Lưu: VP, hồ sơ./. (P/25) (5)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Sỹ Hùng